

Tuần 16: 20/12/21- 25/12/22

BÀI 22. PHÂN LOẠI THỂ GIỚI SỐNG (tt)

(2Tiết)

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thể giới sống; Nhận biết được năm giới sinh vật và lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới; Phân biệt được các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới; Nhận biết được cách gọi tên sinh vật và cách xây dựng khoá lưỡng phân; Lấy được ví dụ chứng minh thể giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống;

2. Kỹ năng

- Tìm hiểu tự nhiên: Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân để phân loại sinh vật;

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Giải thích được sự đa dạng của sinh vật trong tự nhiên và phân loại được một số sinh vật xung quanh em.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC PHÂN LOẠI THỂ GIỚI SỐNG

2. CÁC BẬC PHÂN LOẠI SINH VẬT

3. CÁC GIỚI SINH VẬT (tiết 3)

Hoạt động 4: Tìm hiểu về năm giới sinh vật

Hướng dẫn cho HS nhận biết thể giới sống được phân chia thành năm giới sinh vật. HS nêu được đại diện các giới và chứng minh được sự đa dạng của thể giới sống.

GV giới thiệu hình 22.5, hướng dẫn HS quan sát sơ đồ năm giới và thông tin trong SGK. GV chiếu ảnh sinh vật trên màn hình hoặc dùng tranh ảnh sinh vật, HS dựa vào thông tin trong SGK đoán xem sinh vật đó thuộc giới nào. Sau đó, gợi ý và định hướng cho HS thảo luận các nội dung trong SGK.

4. Quan sát hình 22.5, hãy cho biết sinh vật được chia thành mấy giới? Kể tên một số đại diện sinh vật thuộc mỗi.



▲ Hình 22.5. Sơ đồ hệ thống năm giới sinh vật (Theo Whittaker, 1969)

Sinh vật được chia thành năm giới, đại diện mỗi giới là: vi khuẩn thuộc giới Khởi sinh; trùng giày thuộc giới Nguyên sinh; nấm rơm thuộc giới Nấm; cây cam thuộc giới Thực vật; gấu thuộc giới Động vật.

5. Em có thể phân biệt năm giới sinh vật dựa vào những tiêu chí nào?

Dựa vào đặc điểm tế bào, tổ chức cơ thể, kiểu dinh dưỡng,...

*KHỎI SINH: Tế bào nhân sơ, Tự dưỡng hoặc dị dưỡng, Môi trường sống đa dạng, Đại diện: Vi khuẩn

*NGUYÊN SINH: Tb nhân thực, Phần lớn đơn bào, Tự dưỡng hoặc dị dưỡng, Sống môi trường nước hoặc trên sinh vật, Đại diện: trùng roi, tảo,...

*NẤM: Tb nhân thực, Đơn bào; đa bào, Sống dị dưỡng, Đại diện: nấm mốc, nấm men,....

*THỰC VẬT: Tb nhân thực, Đa bào, Có quang hợp, môi trường đa dạng, Không di chuyển, Đại diện: rêu, lúa nước..

***ĐỘNG VẬT:** Tb nhân thực, Đa bào, Sống dị dưỡng, Có khả năng di chuyển, môi trường đa dạng, Đại diện: san hô, tôm, ếch,...

Luyện tập

* Hãy xác định môi trường sống của đại diện các sinh vật thuộc năm giới bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Giới	Đại diện	Môi trường sống		
		Nước	Cạn	Sinh vật
Khởi sinh	Vi khuẩn <i>E. coli</i>	+	+	+
Nguyên sinh	Trùng roi	+		—
Nấm	Nấm rơm	—	+	—
Thực vật	Cây rau muống	+	+	—
Động vật	Cá chép	+	—	—

Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn cho HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.

***Tiểu kết: Theo Whittaker, 1969, thế giới sống được chia thành năm giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật, Động vật**

4.KHOÁ LƯƠNG PHÂN

Hoạt động 5: Tìm hiểu cách xây dựng khoá lưỡng phân

Hướng dẫn HS tìm hiểu cách xây dựng khoá lưỡng phân trong hình 22.7 để phân loại sinh vật trong hình 22.6.

GV chuẩn bị hình 22.6 trong SGK hoặc yêu cầu HS chuẩn bị ảnh trên file mềm và quan sát, hướng dẫn HS thảo luận nhóm theo các gợi ý trong SGK.

6. Quan sát hình 22.6, em hãy nêu các đặc điểm được sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình.



▲ Hình 22.6. Một số đại diện sinh vật

Tên sinh vật	Đặc điểm
Con thỏ	Có khả năng di chuyển, có chân, không biết bay.
Cây hoa sen	Không có khả năng di chuyển.
Con cá rô phi	Có khả năng di chuyển, không có chân.
Con chim bồ câu	Có khả năng di chuyển, có chân, biết bay.

Các tiêu chí được sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình:

- Khả năng di chuyển;
- Khả năng bay;
- Có chân hoặc không.

7. Em hãy cho biết cách xây dựng khoá lưỡng phân trong hình 22.7.

Bước 1. Xác định đặc điểm đặc trưng của mỗi sinh vật.

Bước 2. Dựa vào một đặc điểm đặc trưng nhất để phân chia sinh vật thành hai nhóm.

Bước 3. Tiếp tục phân chia các nhóm trên thành hai nhóm nhỏ hơn cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn một sinh vật.

Bước 4. Xây dựng khoá lưỡng phân hoàn chỉnh.

GV gợi ý HS rút ra kết luận về khái niệm khoá lưỡng phân và cách xây dựng khoá lưỡng phân.

****Tiểu kết:***

- Khóa lưỡng phân: Là cách phân loại sinh vật dựa trên một đôi đặc điểm đối lập để phân chia chúng thành hai nhóm.

- Cách xây dựng khóa lưỡng phân: Xác định đặc điểm đặc trưng đối lập của mỗi sinh vật, dựa vào đó phân chia chúng thành hai nhóm cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn lại một sinh vật

Vận dụng

* Liên hệ việc sắp xếp các loại sách vào giá sách với việc sắp xếp các sinh vật của thế giới tự nhiên vào các nhóm phân loại có ý nghĩa gì?

- GV đặt vấn đề: Em gặp khó khăn gì khi cần chọn một cuốn sách trên giá chứa rất nhiều sách nhưng lại không được sắp xếp theo một tiêu chí nào. Từ đó, liên hệ trong tự nhiên, số loại sinh vật rất đa dạng, việc sắp xếp các sinh vật vào các nhóm phân loại có ý nghĩa giúp chúng ta dễ dàng nghiên cứu về sinh

vật và nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

***HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP**

1. Đáp án A.
2. Tên giống: *Homo*, Tên loài: *sapiens*, Tác giả: Linnaeus, Năm tìm ra: 1758.
- 3.

Sinh vật	Giới
Vi khuẩn	Khởi sinh
Gà	Động vật
Ong	Động vật
Trùng roi	Nguyên sinh
Rêu	Thực vật
Ếch	Động vật
Cây phượng	Thực vật
Nấm đùi gà	Nấm

C. DẶN DÒ:

- Tiếp tục làm bài tập SGK
- Chuẩn bị bài 23.

.....

BÀI 23. THỰC HÀNH KHÓA LƯỠNG PHÂN

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong giờ thực hành;
- Giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công trong nhóm về xây dựng khoá lưỡng phân phân loại sinh vật;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, phát hiện các đặc điểm để phân biệt sinh vật trong xây dựng khoá lưỡng phân, thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân;

Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Xây dựng khoá lưỡng phân phân loại một số sinh vật xung quanh em.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu sơ đồ khoá lưỡng phân bảy bộ côn trùng

GV định hướng để HS tìm hiểu sơ đồ khoá lưỡng phân bảy bộ côn trùng.

GV định hướng để HS tự quan sát, tự tìm ra tiêu chí phân loại bảy bộ côn trùng trong hình 23.1 SGK. Sau đó, HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi thảo luận trong SGK.

1. Quan sát hình 23.1, em hãy nêu các đặc điểm dùng để phân loại bảy bộ côn trùng.

Các đặc điểm phân loại bảy bộ côn trùng là: đặc điểm cánh, số lượng cánh; đặc điểm bụng và miệng.

Luyện tập

* Dựa vào hình 23.1, 23.2 và bảng đặc điểm, em hãy gọi tên các bộ côn

BÀI 24. VIRUS

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân và của nhóm khi tìm hiểu về virus;
- Giao tiếp và hợp tác: Tương tác tích cực với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về virus, các bệnh do virus gây ra và biện pháp phòng chống;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải thích được một số bệnh do virus gây ra trong thực tiễn dựa trên kiến thức đã học.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus; Nhận dạng được virus chưa có cấu tạo tế bào; Nêu được một số vai trò của virus trong thực tiễn và một số bệnh do virus gây ra; Trình bày được một số biện pháp phòng chống bệnh do virus,

- Tìm hiểu tự nhiên: Tìm kiếm thông tin về lợi ích và tác hại do virus gây nên; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh do virus gây nên và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến về bệnh do virus;

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng các kiến thức đã học để phòng chống các bệnh do virus gây ra.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. ĐẶC ĐIỂM VIRUS

Hoạt động 1: Tìm hiểu hình dạng và cấu tạo virus

GV hướng dẫn HS nhận biết được sự tồn tại của virus xung quanh chúng ta; nêu được các đại diện, mô tả được hình dạng và các thành phần cấu tạo nên virus.

GV giới thiệu hình 24.1, 24.2 trong SGK, có thể chuẩn bị bộ ảnh về các dạng virus khác nhau và cấu tạo các loại virus; sử dụng phương pháp trực quan kết hợp kỹ thuật hỏi - đáp hướng dẫn HS hoạt động cá nhân hoặc theo cặp đôi; gợi ý và định hướng cho HS thảo luận các câu hỏi thảo luận trong SGK.

1. Nhận xét về hình dạng của một số virus trong hình 24.1.

Virus có ba dạng hình dạng đặc trưng:

- Dạng xoắn: virus khảm thuốc lá, virus dại;
- Dạng hình khối: virus cúm, virus viêm kết mạc;
- Dạng hỗn hợp: thực khuẩn thể (phage).

2. Quan sát hình 24.2, nêu cấu tạo của virus, cấu tạo của virus có gì khác so với cấu tạo của tế bào sinh vật nhân sơ và nhân thực mà em đã được học?

Virus có cấu tạo đơn giản, gồm lớp vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền, một số virus có thêm lớp vỏ ngoài. Virus không có các thành phần cấu tạo giống với tế bào nhân sơ và nhân thực.

Luyện tập

*Tại sao virus phải sống kí sinh nội bào bắt buộc?

- Virus chưa có cấu tạo tế bào, không có các thành phần chính của một tế bào điển hình, nên khi ra khỏi tế bào vật chủ, virus tồn tại như một vật không sống.

Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.

**Tiểu kết:*

Virus có 3 dạng hình dạng đặc trưng:

Dạng xoắn: virus khảm thuốc lá, virus dại,....

Dạng hình khối: virus cúm, virus viêm kết mạc,...

Dạng hỗn hợp: thực khuẩn thể (phage),...

Virus có cấu tạo đơn giản, gồm lớp vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền, một số virus có thêm lớp vỏ ngoài.

2. VAI TRÒ CỦA VIRUS

Hoạt động 2: Tìm hiểu lợi ích của virus

GV hướng dẫn để HS tìm hiểu về vai trò của virus trong thực tiễn.

GV sử dụng kĩ thuật giao nhiệm vụ yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ để tìm hiểu về vai trò của virus trong thực tiễn. Qua đó, thảo luận để trả lời các câu hỏi trong SGK.

3. Tìm hiểu thông tin và cho biết ứng dụng của virus trong thực tiễn.

Virus được ứng dụng trong sản xuất các chế phẩm sinh học (interferon,

thuốc kháng sinh, vaccine,...). Trong nông nghiệp, virus được sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu. Ngoài ra, virus còn được sử dụng nhiều trong nghiên cứu.

Luyện tập

*Thuốc trừ sâu có nguồn gốc từ virus có ưu điểm gì so với thuốc trừ sâu hoá học?

- Thuốc trừ sâu từ virus không gây hại cho môi trường, con người và các sinh vật khác, có Ưu điểm là tác dụng mạnh, lâu dài lên sâu bọ, bảo vệ môi trường, giảm thiểu độc hại và tồn dư trên sản phẩm và trong đất so với thuốc trừ sâu hoá học.

Hoạt động 3: Tìm hiểu bệnh do virus gây ra và biện pháp phòng chống

GV hướng dẫn để HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do virus gây ra.

GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu về bệnh do virus. Qua đó, thảo luận và trả lời các câu hỏi trong SGK.

4. Quan sát hình 24.3,24.4,24.5, 24.6 và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

Tên bệnh	Tác nhân gây bệnh	Biểu hiện bệnh
Bệnh cúm ở người	Virus cúm	Sốt, đau đầu, đau họng, sổ mũi.
Bệnh sốt xuất huyết	Virus <i>Dengue</i>	Đau đầu, sốt cao, đau sau đáy mắt, phát ban, chảy máu cam, nôn.
Bệnh cúm ở gà	Virus cúm gia cầm	Xù lông, mắt ướt kèm nhèm, cơ thể mệt mỏi, ủ rũ, chậm chạp.
Bệnh khảm ở cây cà chua	Virus khảm cà chua	Khảm loang lổ trên lá, nặng thì làm cho lá xoắn, cong queo, nhăn nhúm.

5. Từ thông tin gợi ý trong hình 24.7, hãy cho biết bệnh do virus có thể lây truyền qua những con đường nào?

Virus xâm nhập vào cơ thể bằng con đường tiếp xúc trực tiếp thông qua hô hấp hoặc qua đường truyền máu, từ mẹ sang con, tiêm chích ma túy, dùng chung bơm kim tiêm, quan hệ tình dục,...

6. Hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do virus gây ra.

Để phòng chống bệnh do virus gây ra, chúng ta phải ngăn chặn các con đường truyền bệnh, tiêm vaccine phòng bệnh,...

Luyện tập

* Corona virus 2019 (2019-nCoV) là một loại virus gây viêm đường hô hấp cấp ở người và có thể lây từ người này sang người khác. Em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do virus corona gây nên.

- Biện pháp phòng bệnh do 2019-nCoV gây nên: cách li hoàn toàn người bệnh, hạn chế tiếp xúc nơi đông người, đeo khẩu trang nơi công cộng, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng,...

Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.

***Tiểu kết:**

Virus có vai trò trong nghiên cứu khoa học và trong thực tiễn. Bên cạnh đó, virus là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh cho người, động vật và thực vật

Bệnh do virus gây ra có thể lây theo nhiều con đường khác nhau: từ mẹ sang con, tiếp xúc trực tiếp, tiêu hóa, hô hấp, vết cắn động vật.

Để phòng chống bệnh do virus gây ra chúng ta phải ngăn chặn các con đường lây truyền bệnh, tiêm vaccine phòng bệnh,

*** Vận dụng**

Đóng vai một tuyên truyền viên, em hãy vẽ một bức tranh để tuyên truyền phòng chống dịch bệnh do virus gây ra.

- Gợi ý: GV có thể cho HS về nhà làm áp phích theo nhóm, buổi học sau sử dụng kỹ thuật phòng tranh để khởi động bài mới thông qua triển lãm tranh và thuyết trình nhanh về áp phích của các nhóm.

***HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP**

1. Virus chưa được xem là một cơ thể sống vì chưa có cấu tạo tế bào. Chúng không thể tồn tại độc lập mà sống kí sinh nội bào bắt buộc trong các tế bào sống khác.

2. Quan điểm này chưa chính xác vì bên cạnh bệnh do virus gây nên, virus đã được sử dụng để sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho đời sống như sản xuất kháng thể, sản xuất thuốc trừ sâu sinh học, sử dụng trong nghiên cứu của các nhà khoa học.

3. Một số biện pháp phòng bệnh cúm ở người:

- Tăng cường sức đề kháng cho cơ thể
- Không tiếp xúc với nguồn lây nhiễm: người bị cúm, động vật nhiễm virus cúm
- Đeo khẩu trang khi tiếp xúc với nguồn có nguy cơ lây bệnh

B. DẶN DÒ:

- Tiếp tục làm bài tập SGK
- Chuẩn bị bài 25.